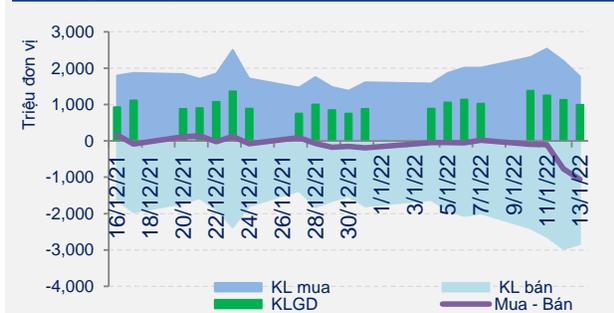
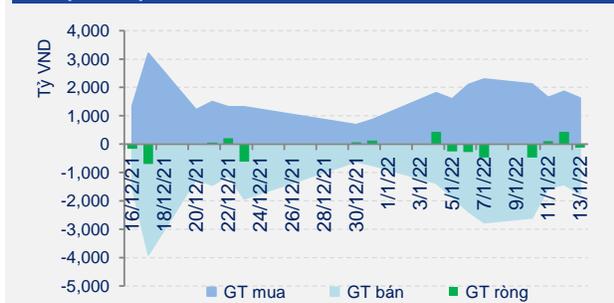


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,496.05	460.83
% Thay đổi	↓ -0.96%	↓ -2.70%
KLGD (CP)	995,817,909	117,097,234
GTGD (tỷ đồng)	30,844.84	3,586.49
Tổng cung (CP)	2,835,871,600	221,249,600
Tổng cầu (CP)	1,776,213,500	124,697,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	39,173,900	360,607
KL mua (CP)	32,481,100	1,138,314
GT mua (tỷ đồng)	1,626.57	36.12
GT bán (tỷ đồng)	1,747.30	8.87
GT ròng (tỷ đồng)	(120.73)	27.25

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.42%	22.9	3.5	1.1%
Công nghiệp	↓ -3.51%	25.2	3.5	13.3%
Dầu khí	↓ -1.52%	19.9	2.0	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.62%	-	10.1	2.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.44%	16.6	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.02%	22.6	3.9	10.5%
Ngân hàng	↑ 1.33%	12.4	2.4	26.0%
Nguyên vật liệu	↓ -1.39%	11.1	2.6	11.1%
Tài chính	↓ -2.49%	22.2	3.9	28.8%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -2.98%	17.4	2.8	3.2%
VN - Index	↓ -0.96%	17.9	3.2	
HNX - Index	↓ -2.70%	25.9	5.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sau phiên hồi phục khá tốt vào hôm trước, tâm lý nhà đầu tư tiếp đà tích cực trong đầu phiên hôm nay và có lúc chỉ số VN-Index đã vượt qua được ngưỡng 1.520 điểm. Nhưng sự tích cực này không được duy trì sau đó khi áp lực bán gia tăng khiến các chỉ số đồng loạt đảo chiều sang sắc đỏ và kết phiên ở gần mức thấp nhất. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là điểm sáng trong phiên hôm nay và đóng vai trò gánh vác thị trường với sắc xanh chiếm đa số, có thể kể đến CTG (+2,9%), MBB (+1,7%), TCB (+0,2%), BID (+4,4%), SHB (+0,2%), LPB (+0,5%), ACB (+0,8%), VCB (+2,4%), BVB (+1,8%)... Cổ phiếu chứng khoán sau khi giao dịch tích cực vào phiên sáng thì về chiều đã bị bán mạnh và đồng loạt điều chỉnh SSI (-3,3%), VND (-4,6%), SHS (-3,4%), VCI (-4,5%), VIX (-4,7%), HCM (-2%)... Cổ phiếu bất động sản và xây dựng tiếp tục bị bán tháo với nhiều mã giảm sàn, trắng bên mua, có thể kể đến như DIG (-7%), DXG (-7%), CEO (-9,9%), ITA (-6,9%), IDC (-9,9%), SCR (-7%), LDG (-6,9%), HQC (-7%), NBB (-6,8%), ITC (-7%), HBC (-6,9%), LCG (-6,9%), FCN (-6,9%), L14 (-10%), TDC (-6,9%)... Thanh khoản trong phiên hôm nay suy giảm so với phiên tăng trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với 1.074 triệu cổ phiếu khớp lệnh trên hai sàn, tương ứng với giá trị khớp lệnh là 31.787 tỷ đồng. Kết phiên giao dịch, VN-Index giảm 14,46 điểm (-0,96%) xuống 1.496,05 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 407 mã giảm, 38 mã tham chiếu, 150 mã tăng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Dường như việc nhóm cổ phiếu bất động sản và xây dựng bị bán mạnh và giảm sàn trong phiên sáng đã tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư trên toàn thị trường. Điều này khiến cho đà tăng tích cực từ đầu phiên ở một số nhóm cổ phiếu không còn được duy trì khi mà các nhà đầu tư quyết định tận dụng nhịp tăng này để giảm tỷ trọng cổ phiếu nắm giữ trong danh mục. Và chỉ số VN-Index lại đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm sau phiên hôm nay, điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu đôi chút. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá phiên giảm hôm nay là không thực sự tiêu cực khi mà thanh khoản khớp lệnh đã suy giảm so với phiên tăng trước đó và chỉ xấp xỉ mức trung bình. Bên cạnh đó, vùng hỗ trợ 1.480-1.495 điểm (MA20-50) đang ở khá sát nên khả năng để VN-Index hồi phục trong phiên cuối tuần được đánh giá cao hơn khả năng tiếp tục giảm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã gia tăng tỷ trọng cổ phiếu lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên 12/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

13/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.522,6 điểm. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.522,6 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 14,46 điểm (-0,96%) xuống 1.496,05 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 2.000 đồng, VHM giảm 1.400 đồng, GVR giảm 1.500 đồng. Ở chiều ngược lại, BID tăng 1.850 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 478,7 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh dần sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 460,7 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 12,81 điểm (-2,7%) xuống 460,83 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 6.700 đồng, CEO giảm 8.200 đồng, L14 giảm 44.000 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF tăng 7.700 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 119,77 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,7 triệu đơn vị. VRE là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 125,9 tỷ đồng tương ứng với 3,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NVL với 61,3 tỷ đồng tương ứng với 741 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, KDH là mã được mua ròng nhiều nhất với 104,2 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 27,23 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 778 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 9,4 tỷ đồng tương ứng với 327 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là BVS với 7,6 tỷ đồng tương ứng với 198,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 725 triệu đồng tương ứng với 9,2 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index lại điều chỉnh trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên hồi phục trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra đã xuất hiện trở lại nhưng là chưa thực sự mạnh.

Góc nhìn kỹ thuật dựa theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh hôm nay thì chỉ số VN-Index lại đánh mất ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm và điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu đi phần nào đó. Và trong các phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có thể sẽ cần sự hỗ trợ từ lực cầu bắt đáy trong khoảng 1.480-1.495 điểm (MA20-50). Tuy nhiên, tình hình là không mấy tiêu cực và chỉ số VN-Index có thể sớm lấy lại ngưỡng tâm lý 1.500 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 14/1, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để lấy lại ngưỡng tâm lý 1.500 điểm vừa đánh mất.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực gia tăng thì VN-Index có thể lùi về vùng hỗ trợ trong khoảng 1.480-1.495 điểm (MA20-50) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Standard Chartered: lạm phát sẽ là mối quan ngại trong năm nay

Standard Chartered đưa ra mức lạm phát dự báo cao hơn ngưỡng mục tiêu là 4% của các nhà quản lý. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam cũng phục hồi mạnh với tốc độ tăng trưởng GDP lên đến 6,7%.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,95 - 61,55 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 14 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 13/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.096 VND/USD, giảm 14 đồng so với hôm qua.

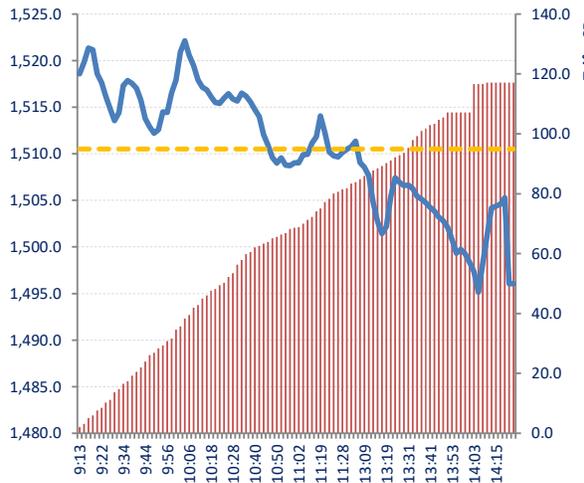
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 6,65 USD/ounce tương ứng với 0,36% xuống 1.820,75 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,116 điểm tương ứng 0,12% xuống 94,790 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1468 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3735 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,56 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,05 USD/thùng tương ứng với 0,06% xuống 82,59 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 12/1, Dow Jones tăng 38,3 điểm tương đương 0,11% lên 36.290,32 điểm. Nasdaq tăng 34,94 điểm tương đương 0,23% lên 15.188,39 điểm. Nasdaq Composite tăng 13,28 điểm tương đương 0,28% lên 4.726,35 điểm.

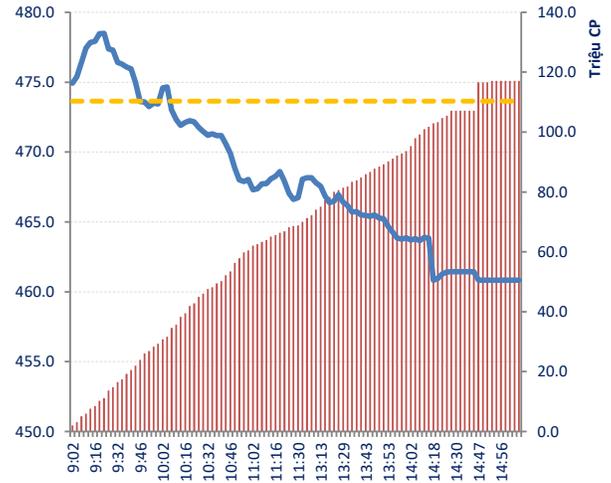


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

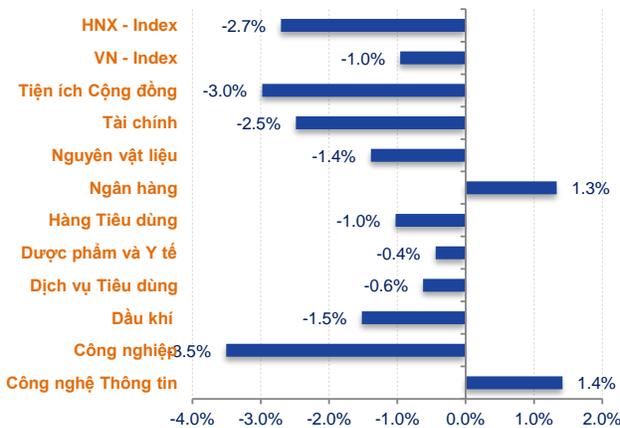
KLGD và VN-Index trong phiên



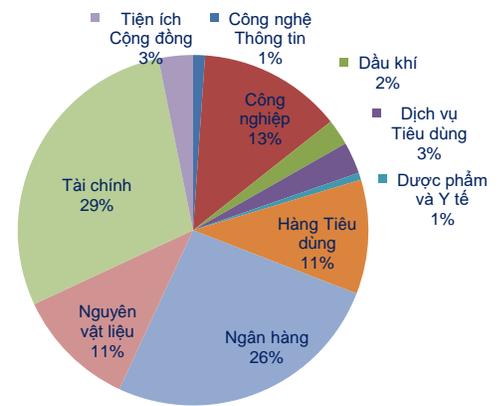
KLGD và HNX-Index trong phiên



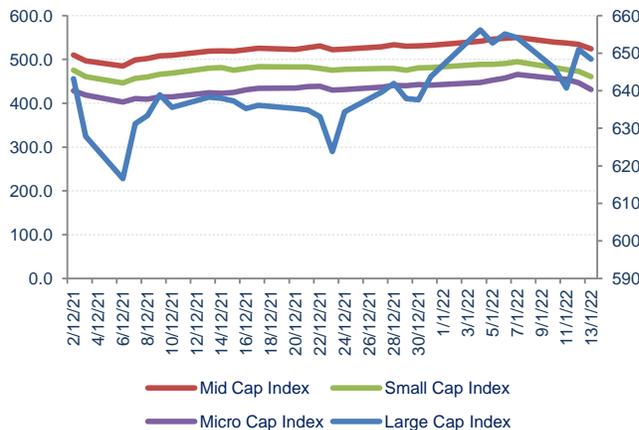
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



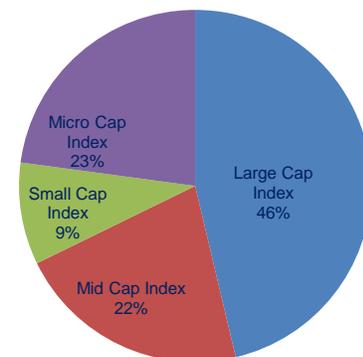
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BID	1,962,600	VRE	3,596,300
2	KDH	1,957,200	GEX	1,030,900
3	CTG	1,916,900	SSI	888,200
4	VHM	1,036,700	TPB	887,900
5	DXG	757,800	NVL	741,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	326,900	TTH	72,100
2	BVS	198,500	HHG	51,600
3	PTS	111,400	APS	19,300
4	PVI	81,200	HUT	18,600
5	GIC	45,900	STP	16,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	14.85	14.00	↓ -5.72%	51,223,000
STB	34.70	34.30	↓ -1.15%	44,585,100
POW	18.15	16.90	↓ -6.89%	39,428,500
MBB	29.20	29.70	↑ 1.71%	35,345,700
CTG	34.15	35.15	↑ 2.93%	35,249,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	28.50	27.50	↓ -3.51%	9,051,791
CEO	82.50	74.30	↓ -9.94%	5,845,486
TAR	42.50	40.90	↓ -3.76%	5,481,585
SHS	49.30	47.60	↓ -3.45%	5,419,252
IDC	71.50	64.40	↓ -9.93%	4,978,166

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVI	62.50	66.80	4.30	↑ 6.88%
BAF	57.00	60.90	3.90	↑ 6.84%
GMH	26.40	28.20	1.80	↑ 6.82%
YEG	21.40	22.85	1.45	↑ 6.78%
SC5	24.90	26.40	1.50	↑ 6.02%

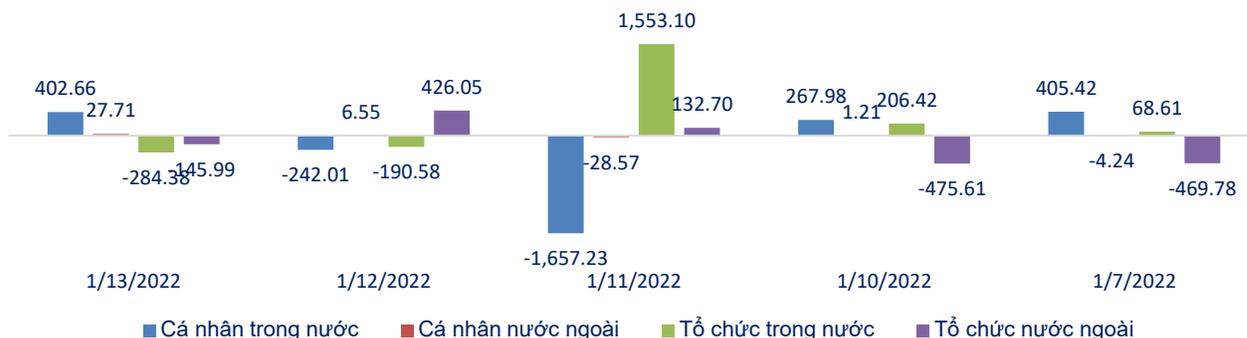
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	15.70	20.40	4.70	↑ 29.94%
HTP	49.10	54.00	4.90	↑ 9.98%
SDN	39.10	43.00	3.90	↑ 9.97%
LHC	127.60	140.30	12.70	↑ 9.95%
VLA	46.40	51.00	4.60	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTF	15.00	13.95	-1.05	↓ -7.00%
TNA	20.00	18.60	-1.40	↓ -7.00%
KHP	20.00	18.60	-1.40	↓ -7.00%
DIG	111.50	103.70	-7.80	↓ -7.00%
ACC	24.30	22.60	-1.70	↓ -7.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTZ	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
HHG	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
PDC	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
FID	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
SRA	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	218.24	13.1%	1,491	74.8	8.5
TCB	116.71	21.3%	4,965	10.2	2.0
VRE	112.44	7.2%	954	37.7	2.7
ACB	100.52	24.9%	3,599	9.2	2.1
NVL	75.39	7.9%	1,577	53.1	4.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-134.68	1.6%	434	79.9	1.1
BID	-83.76	12.0%	1,975	21.3	2.5
DXG	-76.25	7.5%	1,406	26.5	1.7
CTG	-71.69	18.1%	3,439	9.9	1.7
KDH	-68.71	13.4%	1,884	28.5	3.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	8.82	16.5%	2,022	25.0	3.7
VHM	6.45	38.3%	8,968	9.3	3.0
BVH	4.85	8.3%	2,410	22.4	1.8
SHB	4.71	17.8%	2,105	10.5	1.7
STB	3.46	11.1%	1,864	18.6	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	-4.58	5.6%	1,172	22.5	1.4
FPT	-3.84	20.4%	4,436	20.2	4.0
BID	-2.75	12.0%	1,975	21.3	2.5
PHC	-2.37	11.3%	1,496	12.3	1.3
LHG	-2.30	24.6%	6,724	8.4	2.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	134.53	1.6%	434	79.9	1.1
DXG	49.91	7.5%	1,406	26.5	1.7
MWG	44.71	24.6%	6,071	22.4	5.2
KBC	37.13	6.0%	1,504	39.2	2.2
IJC	36.87	23.5%	3,643	8.8	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-212.16	13.1%	1,491	74.8	8.5
TCB	-116.02	21.3%	4,965	10.2	2.0
ACB	-100.52	24.9%	3,599	9.2	2.1
VNM	-53.10	31.0%	5,037	16.5	5.1
VIC	-47.62	2.9%	1,111	90.8	2.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	104.12	13.4%	1,884	28.5	3.5
BID	91.11	12.0%	1,975	21.3	2.5
VHM	78.92	38.3%	8,968	9.3	3.0
CTG	69.38	18.1%	3,439	9.9	1.7
VIC	52.60	2.9%	1,111	90.8	2.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-127.84	7.2%	954	37.7	2.7
NVL	-61.14	7.9%	1,577	53.1	4.0
SSI	-52.99	16.5%	2,022	25.0	3.7
VND	-47.82	19.6%	2,123	36.0	3.9
GEX	-43.17	8.6%	1,754	26.2	2.0



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	51,223,000	-18.4%	(1,220)	-	2.8
STB	44,585,100	3250.0%	1,864	18.6	2.0
POW	39,428,500	8.6%	1,167	15.5	1.3
MBB	35,345,700	20.3%	2,943	9.9	1.9
CTG	35,249,400	18.1%	3,439	9.9	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	9,051,791	4.6%	1,238	23.0	1.0
CEO	5,845,486	-4.7%	(606)	-	6.6
TAR	5,481,585	9.8%	1,286	33.0	2.9
SHS	5,419,252	25.5%	3,039	16.2	2.5
IDC	4,978,166	11.8%	1,805	39.6	4.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVI	↑ 6.9%	17.5%	8,132	7.7	1.3
BAF	↑ 6.8%	13.4%	1,920	29.7	3.2
GMH	↑ 6.8%	6.7%	832	31.7	2.3
YEG	↑ 6.8%	-46.0%	(11,312)	-	1.0
SC5	↑ 6.0%	8.7%	2,062	12.1	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	↑ 29.9%	21.4%	2,020	-	-
HTP	↑ 10.0%	3.1%	792	62.0	1.9
SDN	↑ 10.0%	25.5%	7,193	5.4	1.4
LHC	↑ 10.0%	14.5%	10,052	12.7	1.7
VLA	↑ 9.9%	-12.9%	(1,593)	-	4.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BID	1,962,600	12.0%	1,975	21.3	2.5
KDH	1,957,200	13.4%	1,884	28.5	3.5
CTG	1,916,900	18.1%	3,439	9.9	1.7
VHM	1,036,700	38.3%	8,968	9.3	3.0
DXG	757,800	7.5%	1,406	26.5	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	326,900	4.6%	1,238	23.0	1.0
BVS	198,500	7.7%	1,877	20.2	1.3
PTS	111,400	7.0%	1,169	10.0	0.7
PVI	81,200	13.2%	4,294	11.1	1.5
GIC	45,900	13.9%	2,655	8.5	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	383,566	2.9%	1,111	90.8	2.3
VCB	378,601	20.4%	4,464	17.9	3.5
VHM	364,025	38.3%	8,968	9.3	3.0
BID	213,217	12.0%	1,975	21.3	2.5
GAS	206,707	16.9%	4,384	24.6	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	90,300	25.2%	4,694	55.0	15.6
KSF	23,340	8.8%	749	103.9	3.9
IDC	21,450	11.8%	1,805	39.6	4.6
CEO	21,231	-4.7%	(606)	-	6.6
VCS	17,616	41.5%	11,163	9.9	3.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	5.69	8.9%	1,047	38.1	3.0
KHP	4.48	59.3%	6,187	3.2	1.7
DRH	4.37	2.1%	292	118.2	2.4
NBB	3.82	28.3%	6,139	9.1	2.9
SGR	3.74	-1.9%	(237)	-	3.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	5.89	3.3%	243	77.2	2.5
PVL	4.49	9.9%	475	36.0	3.4
V21	4.14	1.5%	141	92.4	1.4
L14	4.06	13.6%	1,987	221.4	26.7
PDB	4.02	4.8%	750	31.3	1.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
